CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Cấp thoát nước Long An

Ngày 31/12/2025	33,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.9%	**-2.9%**	**17.0%**

DT thuần
Q4/25
88.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.10| -0.1%
YoY: ▲ 6.80| 8.4%

LN thuần
Q4/25
-0.52
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.51| -106%
YoY: ▼5.33| -111%

LN sau thuế
Q4/25
-1.31
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.2| -115%
YoY: ▼4.77| -138%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
10.3%
YoY: +/-▲ 2.0%

ROE
2025
15.1%
YoY: +/-▲ 3.9%

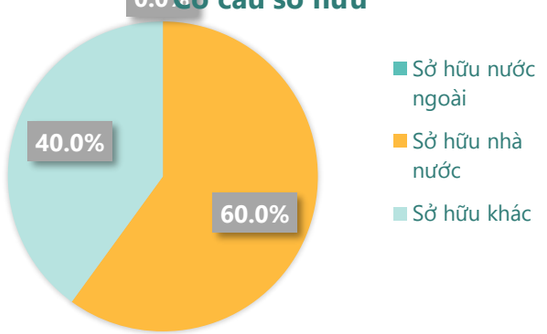
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	20,000 - 35,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	403
Số lượng CPLH (CP)	12,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.43)
EPS	2,439
P/E	13.5

DT thuần
2025
358
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 33.0| 10.1%

LN thuần
2025
33.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.0| 43.0%

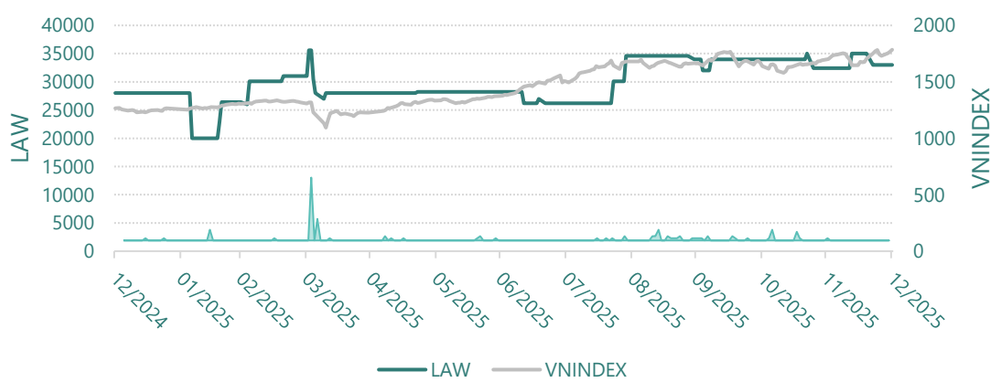
LN sau thuế
2025
29.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.50| 47.3%

Cơ cấu sở hữu

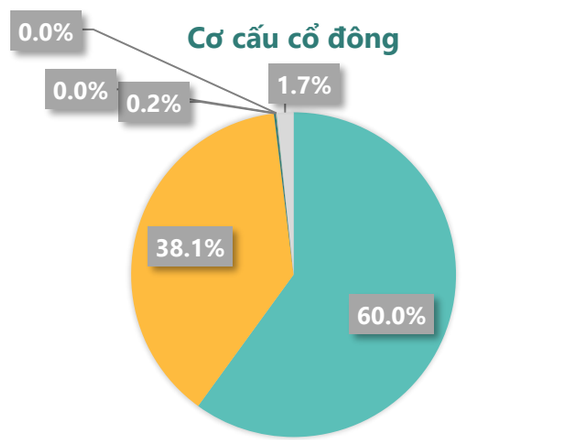


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



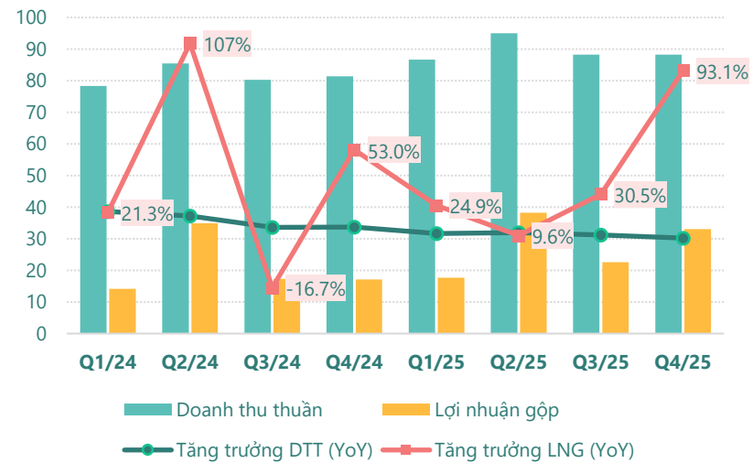
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

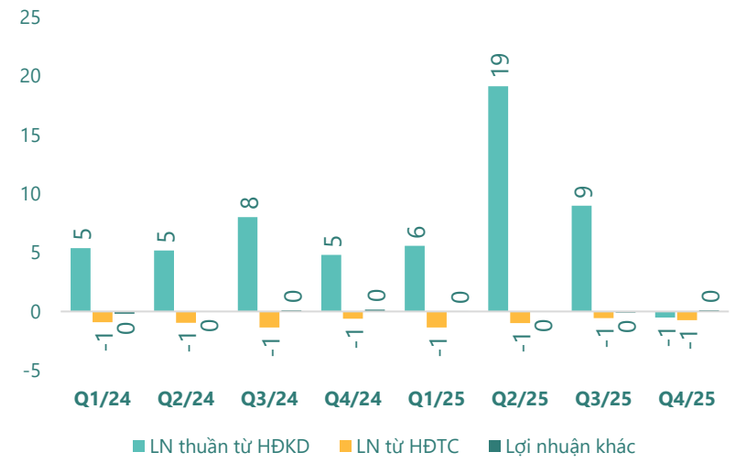
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



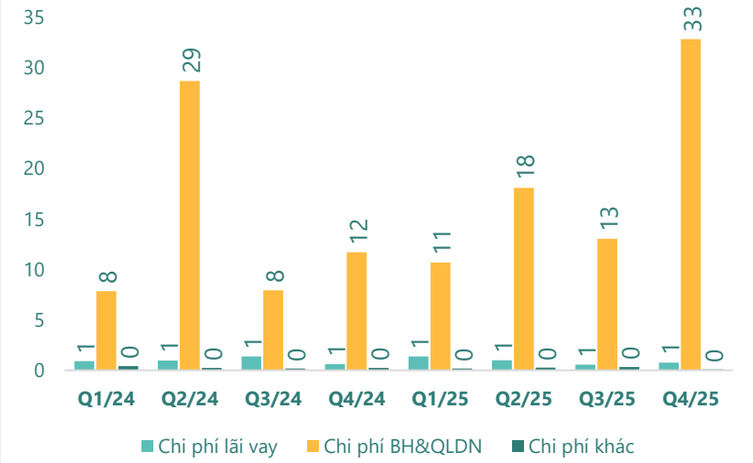
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



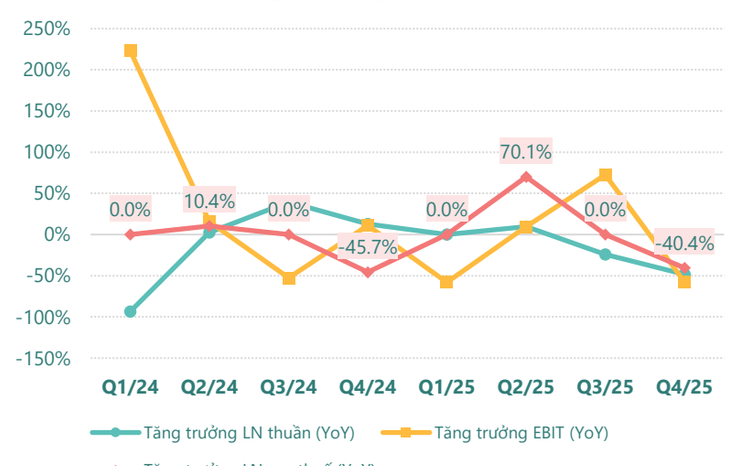
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



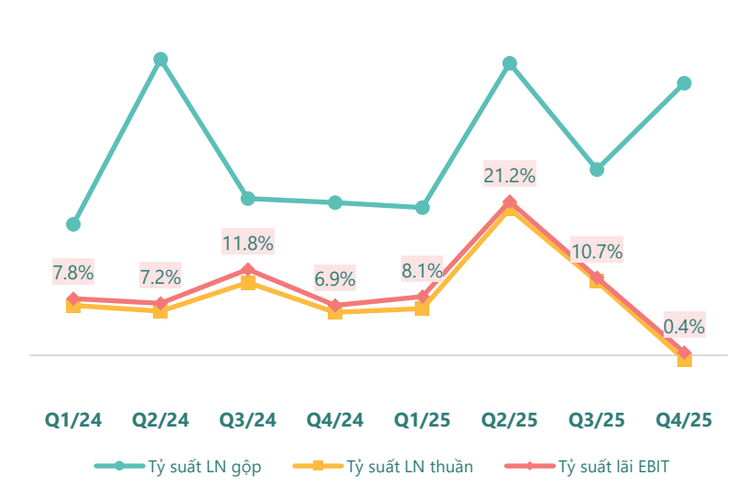
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



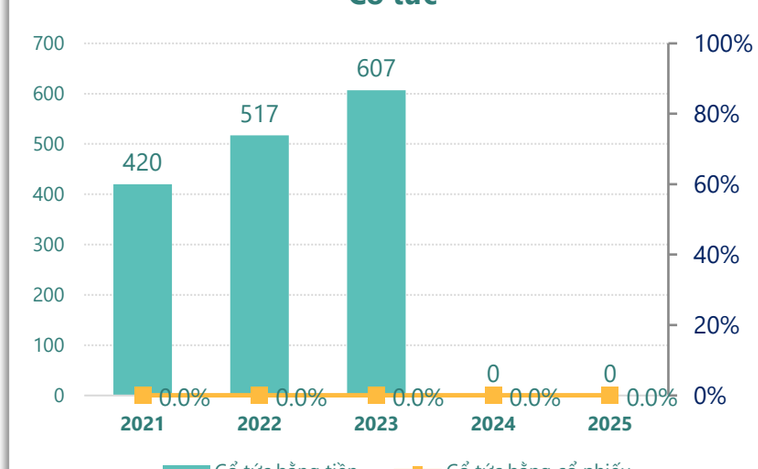
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

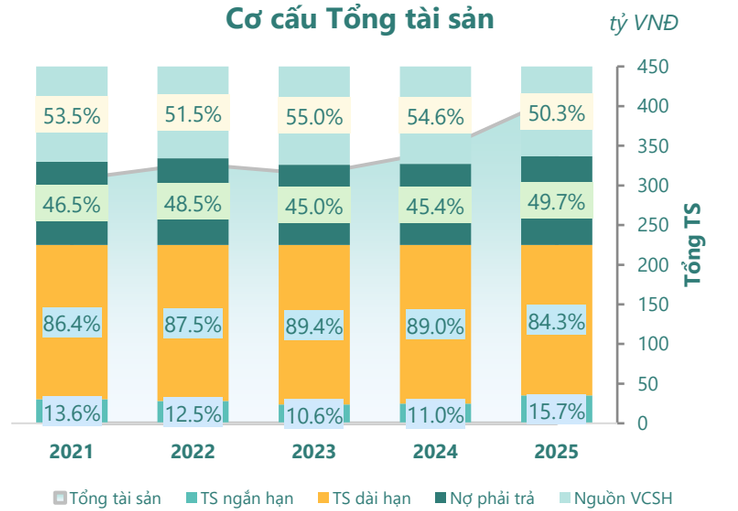
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

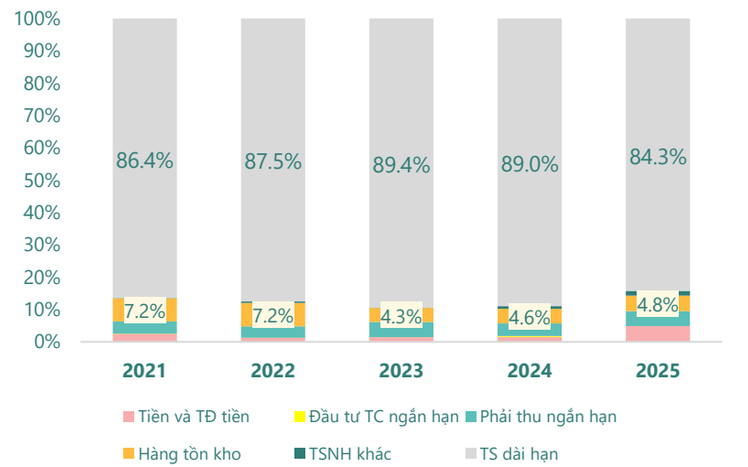
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



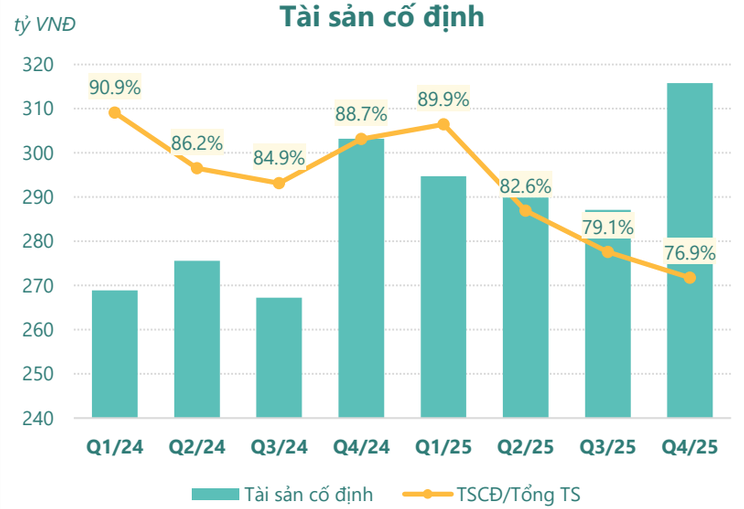
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



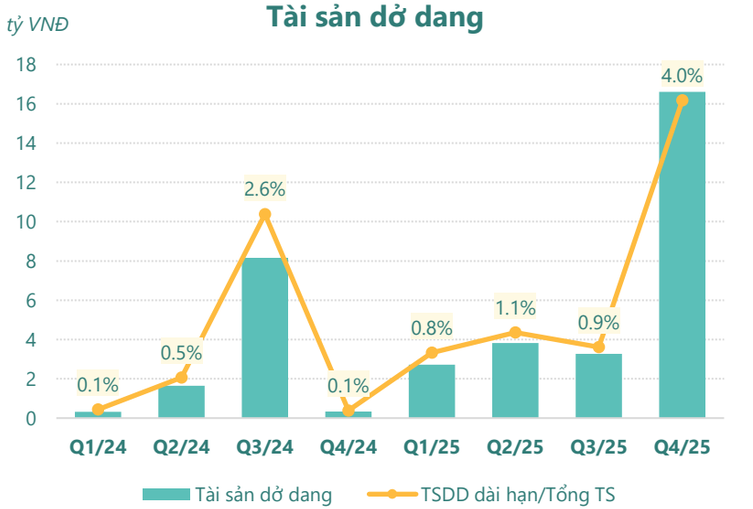
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



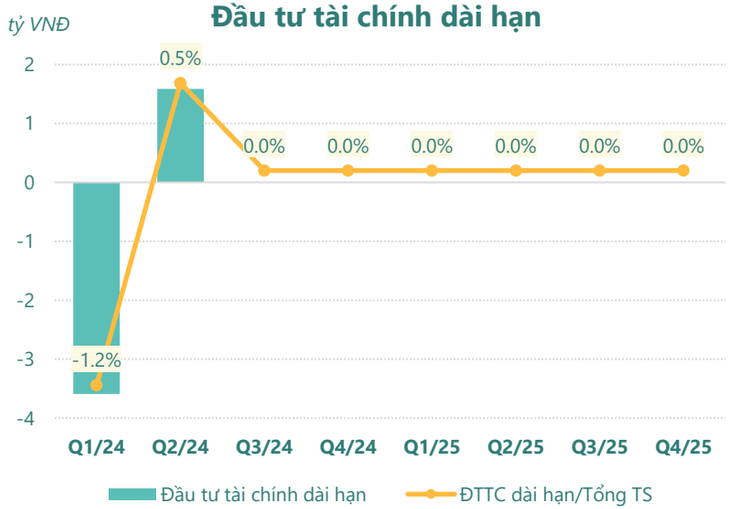
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



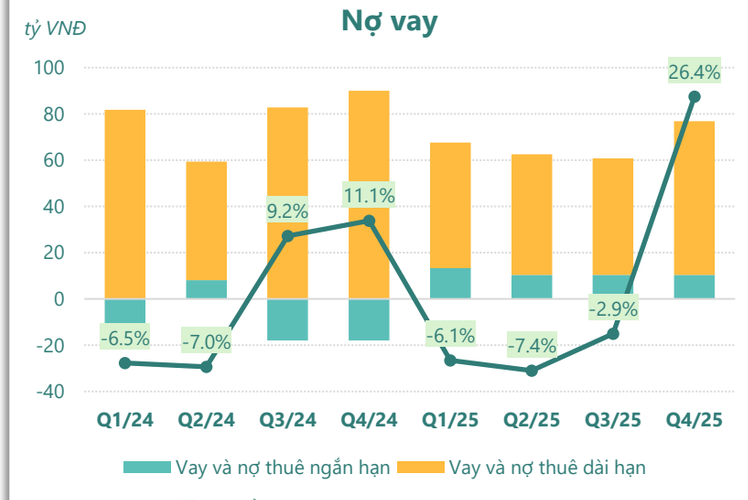
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

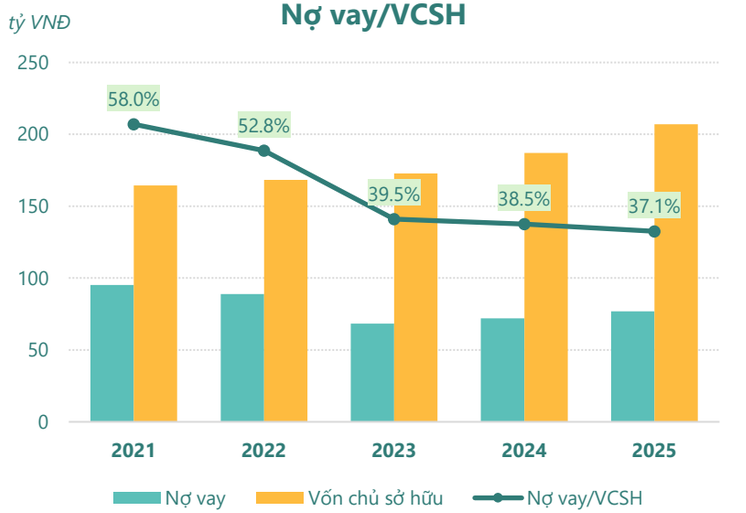
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

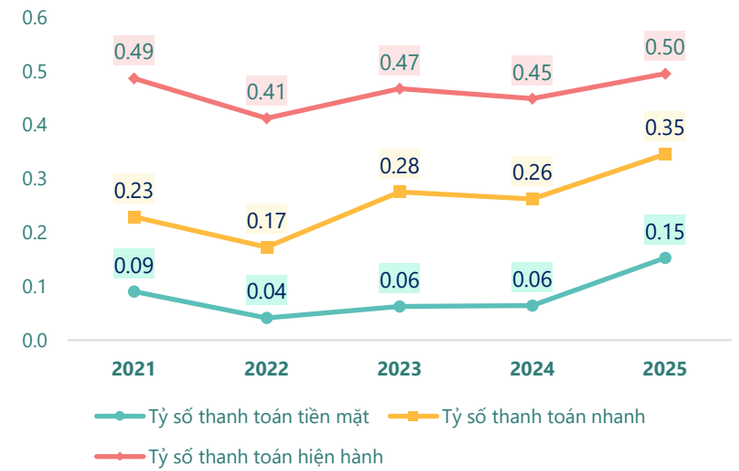
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



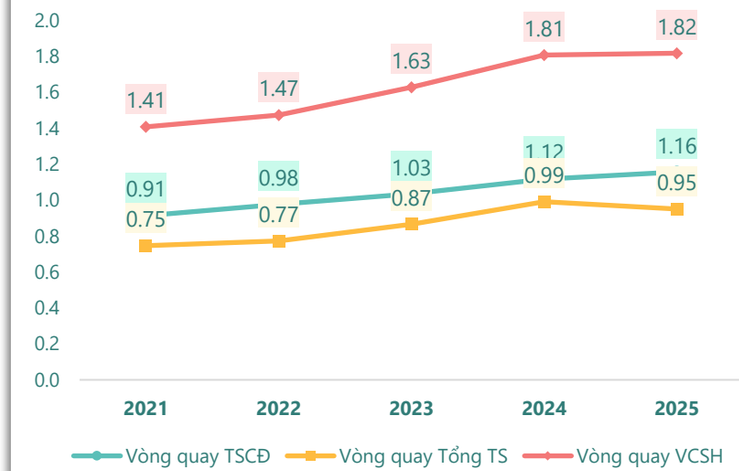
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



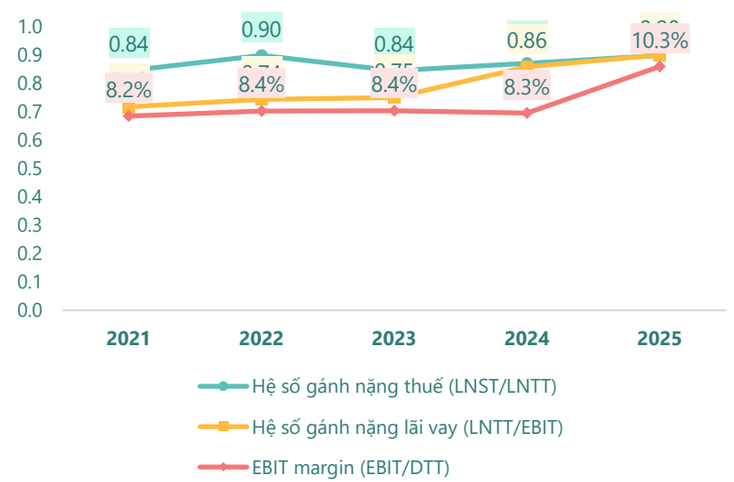
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



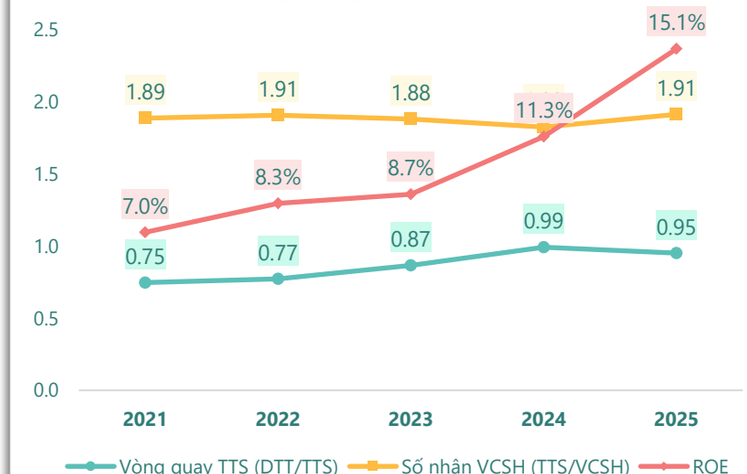
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



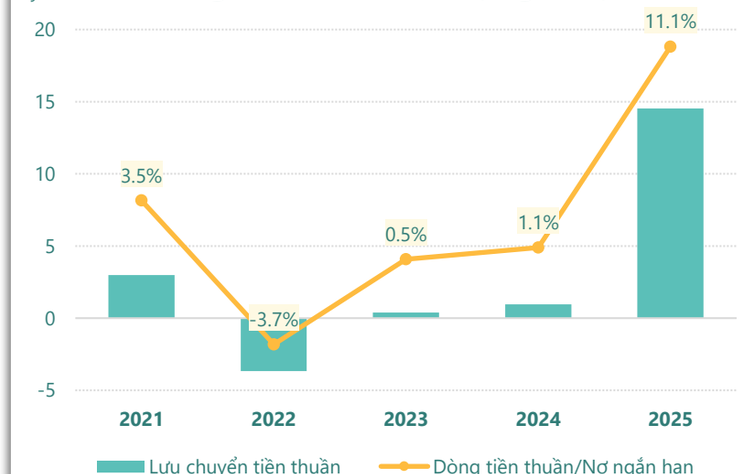
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**88.2**	**81.4**	**8.4%**	**358**	**325**	**10.1%**
Giá vốn hàng bán	55.2	64.3	-14.2%	247	243	1.7%
Lợi nhuận gộp	33.1	17.1	93.4%	111	82.7	34.5%
Doanh thu HĐTC	0.03	0.01	197%	0.07	0.04	70.3%
Chi phí TC	0.76	0.62	22.4%	3.71	3.86	-3.8%
Chi phí lãi vay	0.76	0.62	22.4%	3.71	3.86	-3.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	25.1	6.57	282%	50.8	33.8	50.5%
Chi phí QLDN	**7.78**	**5.13**	**51.7%**	**23.6**	**21.9**	**7.8%**
LN thuần từ HĐKD	-0.52	4.81	-111%	33.2	23.2	43.0%
Lợi nhuận khác	**0.11**	**0.16**	**-33.2%**	**0.01**	**0.04**	**-71.5%**
LN trước thuế	-0.41	4.98	-108%	33.2	23.3	42.8%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.31**	**3.46**	**-138%**	**29.8**	**20.3**	**47.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.31**	**3.46**	**-138%**	**29.8**	**20.3**	**47.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.11	4.13	12.0	33.7	4.73	-7.58
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.74	0.00	0.48	-20.3	20.3	0.81
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.4	-4.83	-8.05	-1.40	-14.1	-5.76
Tiền đầu kỳ	7.60	5.75	5.06	9.51	21.9	32.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.51**	**-0.69**	**4.46**	**12.0**	**10.9**	**-12.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.75	5.06	9.51	21.9	32.5	19.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**411**	**342**	**20.0%**
Tài sản ngắn hạn	64.6	37.8	70.9%
Tiền và tương đương tiền	19.9	5.41	269%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.89	-100%
Phải thu ngắn hạn	19.3	13.1	47.7%
Hàng tồn kho	19.5	15.7	24.5%
Tài sản ngắn hạn khác	5.80	2.73	112%
Tài sản dài hạn	**346**	**304**	**13.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	316	303	4.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	16.6	0.33	4921%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**13.6**	**0.97**	**1295%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	204	155	31.2%
Nợ ngắn hạn	**126**	**84.2**	**49.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.4	13.3	-21.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	81.8	46.0	77.7%
Nợ dài hạn	77.7	71.0	9.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	66.4	58.7	13.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**207**	**187**	**10.7%**
Vốn chủ sở hữu	**207**	**187**	**10.7%**
Vốn điều lệ	122	122	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)